TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HỊA XỸ HỘI CHỦ NGHĨ A VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phỉc**
Bản án số: 53/2022/DS-PT Ngày 20-02-2023 V/v tranh chấp hợp đồng dịch vụ	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tài

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Trung Dũng

Ông Lê Sỹ Trứ

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Đặng Hà Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 218/2022/TLPT-DS ngày 05 tháng 10 năm 2022, về việc: Tranh chấp hợp đồng dịch vụ.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 53/2022/DS-ST ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 200/2022/QĐ-PT ngày 21 tháng 10 năm 2022 , giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Quang T, sinh năm 1975; địa chỉ: số A, đường số B, khu t, khu phố N, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị B L, sinh năm 1995; địa chỉ: số U, đường G, khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Quang T: Ông Mai Tiến L là Luật sư của Công ty TNHH Hãng luật B thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Dương; có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Ngô Văn V, sinh năm 1977; địa chỉ: số T, khu phố N, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Công ty TNHH MTV Xây dựng Thương mại P; địa chỉ: số I, đường số D, khu Trung tâm hành chính D, khu phố N, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Phạm Thị B, sinh năm 1980; địa chỉ: số U, đường số Y, khu Trung tâm hành chính D, khu phố N, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương; có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Mạnh T, sinh năm 1978; địa chỉ: số P, đường T, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Người kháng cáo: bị đơn ông Ngô Văn V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn ông Nguyễn Quang T trình bày:* ông Nguyễn Quang T có nhu cầu thực hiện thủ tục chủ trương xin giấy phép xây dựng công trình trên đất của thửa đất số 2753, tờ bản đồ số 32, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 125455, số vào sổ CS11187, diện tích 10.047,7 m^2, tại phường C, thị xã B, tỉnh Bình Dương cấp ngày 22/06/2018 (cập nhật sang tên ông T ngày 08/11/2019) để cho thuê. Vào ngày 01/10/2020, ông T và ông Ngô Văn V có ký hợp đồng giao khoán công việc về việc thực hiện thủ tục xin cấp phép xây dựng cho cá nhân ông T vì giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông T. Thời gian thực hiện hợp đồng là 06 tháng kể từ ngày nộp hồ sơ xin chủ trương, giá trị hợp đồng là 1.300.000.000 đồng, ông T ứng trước 600.000.000 đồng ngay khi hợp đồng được ký kết, mỗi tháng ông V phải báo cáo tiến độ thực hiện cho ông T 1 lần. Hết 06 tháng ông V không thực hiện được công việc đã thỏa thuận của hợp đồng thì phải hoàn trả lại cho ông T số tiền tạm ứng đã nhận là 600.000.000 đồng.

Sau khi ký hợp đồng ông T đã tạm ứng cho ông V số tiền 600.000.000 đồng, cụ thể: lần đầu ngày 01/10/2020, ông T tạm ứng số tiền 30.000.000 đồng bằng tiền mặt cho ông V; lần 2, ngày 09/11/2020 bà B (vợ ông T) chuyển khoản số tiền 300.000.000 đồng; lần 3, ngày 25/11/2020 bà B tiếp tục chuyển cho ông V số tiền 270.000.000 đồng. Tổng cộng 600.000.000 đồng.

Ban đầu, ông T xin chủ trương cho cá nhân ông T, sau đó chính sách pháp luật thay đổi nên ông V đã hướng dẫn ông T cho Công ty TNHH MTV Xây dựng Thương mại P (viết tắt là Công ty P) thuê đất để xin chủ trương mới, ông T đồng ý nên ông T và Công ty P đã ra văn phòng công chứng ký hợp đồng thuê quyền sử dụng đất và Công ty P đã đưa giấy tờ cần thiết cho ông V tiếp tục đi xin chủ trương. Sau khi ký hợp đồng thuê quyền sử dụng đất với Công ty P, ông V vẫn tiếp tục thực hiện công việc theo hợp đồng giao khoán đã ký với ông T chứ không ký lại hợp đồng với Công ty P vì về bản chất ông T là người bỏ tiền thành lập Công ty P nhưng để cho vợ là bà Phạm Thị B đứng tên là người đại diện theo pháp luật.

Quá trình thực hiện hợp đồng giao khoán công việc, ông V không báo cáo tiến độ cho ông T như thỏa thuận nên ông T không biết ông V có nộp đơn xin chủ trương hay không. Ngoài ra, sau khi ký hợp đồng thuê quyền sử dụng đất với

Công ty P, ông V cho nhân viên là ông Nguyễn Mạnh T đến gặp bà B và ông T 02 lần để ký một số giấy tờ. Còn lại sau đó thì ông V không báo cáo tiến độ cho ông T dù đã nhiều lần liên hệ nhưng ông V trốn tránh và cũng không trả lại số tiền nêu trên. Khi ông T liên hệ với ông T thì mới được biết là ông T không phải là nhân viên của ông V, mà ông T chỉ là người được ông V thuê để làm các thủ tục lập hồ sơ bản vẽ thẩm duyệt hệ thống phòng cháy chữa cháy, thiết kế hồ sơ xin phép xây dựng và ông V đã T toán cho ông T số tiền 200.000.000 đồng để thực hiện các việc nêu trên. Khi hết thời gian giãn cách vì dịch ông V lấy lý do do thực hiện giãn cách xã hội do dịch Covid-19 tại Bình Dương nên ông V chưa thể thực hiện công việc theo thỏa thuận trong hợp đồng và yêu cầu được tiếp tục hợp đồng, đồng thời đề nghị ông T, bà B thay đổi chủ trương từ xin phép cho Công ty P sang xin chủ trương cho cá nhân ông T nhưng ông T không đồng ý. Và thực tế trong thời gian giãn cách thì Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương vẫn nhận, duyệt hồ sơ bằng hình thức trực tuyến nên ông V nói là do tình hình dịch bệnh không thực hiện được là không đúng.

Do ông V không thực hiện được đúng thỏa thuận trong hợp đồng và cũng không trả lại tiền cho ông T mặc dù ông T đã yêu cầu nhiều lần, nên ông T nộp đơn khởi kiện tại Tòa án, yêu cầu giải quyết:

1. Hủy hợp đồng giao khoán công việc về việc thực hiện thủ tục xin cấp phép xây dựng được ký kết vào ngày 01/10/2020 giữa ông Nguyễn Quang T và ông Ngô Văn V;

2. Buộc ông Ngô Văn V trả lại cho ông Nguyễn Quang T số tiền tạm ứng là từ ông T là: 600.000.000 đồng;

3. Buộc ông Ngô Văn V bồi thường thiệt hại cho ông Nguyễn Quang T số tiền 200.000.000 đồng;

Quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn rút một phần yêu cầu về việc buộc ông Ngô Văn V bồi thường thiệt hại cho ông Nguyễn Quang T số tiền 200.000.000 đồng.

- *Bị đơn ông Ngô Văn V trình bày:* Ngày 01/10/2020, ông V và ông T có ký hợp đồng giao khoán công việc với nội dung bên A (ông T) giao cho bên B (ông V) nhận thực hiện lập hồ sơ xin phép xây dựng kho bãi cho thuê, sau đó xin công nhận sở hữu công trình trên đất với thời gian thực hiện là 6 tháng. Sau khi ký hợp đồng ông đã tiến hành triển khai một số công việc. Tuy nhiên, đầu năm 2021 chính sách đầu tư có sự thay đổi nên Công ty P thuộc diện không phải xin cấp chủ trương và Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương đã có Văn bản trả lời số 1119 ngày 10/05/2021 về việc hoàn trả hồ sơ chấp thuận chủ trương đầu tư với lý do Công ty P không đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất và chuyển mục đích sử dụng đất nên không thuộc trường hợp chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh. Dựa vào căn cứ trên, Công ty P thuộc diện không phải xin chấp thuận chủ trương đầu tư và Văn bản số 1119 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương được coi như văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương để đi làm các thủ tục tiếp theo.

Tuy nhiên, đến ngày 13/10/2021 ông nhận được thông báo của ông Nguyễn Quang T với nội dung yêu cầu hoàn trả lại tiền vì lí do chưa hoàn thành công việc theo thỏa thuận. Ông cho rằng thời điểm nhận được thông báo, ông chưa vi phạm thỏa thuận và đang tiến hành tốt các công việc theo hợp đồng.

Về việc ông T cho rằng ông V đã vi phạm về thời gian thực hiện công việc thì 06 tháng được tính từ ngày nộp đủ hồ sơ xin chủ trương tức là ngày 23/01/2021 thì ngày 10/05/2021 ông V đã có văn bản đồng ý cho thực hiện dự án của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương, sau đó do tình hình dịch Covid-19 nên các cơ quan Nhà nước tạm ngưng nhận hồ sơ. Tuy nhiên, sau 10 ngày hết giãn cách thì ông T gửi thông báo về việc dừng thực hiện hợp đồng và yêu cầu hoàn trả lại tiền ứng và bắt bồi thường 200.000.000 đồng, không hợp tác cùng để hoàn thành các công việc còn lại như thỏa thuận. Vì vậy, ông V không đồng ý với yêu cầu của ông T, ông V yêu cầu ông T phải T toán toàn bộ số tiền còn lại 700.000.000 đồng theo như thỏa thuận của Hợp đồng giao khoán.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty P do bà Phạm Thị B trình bày:* Công ty P thực tế là của ông T và vốn đầu tư là do ông T bỏ ra. Bà B là vợ của ông T nên ông T để cho bà B đứng tên chủ sở hữu doanh nghiệp và là người đại diện theo pháp luật của công ty. Quá trình thoả thuận hợp đồng giữa ông T và ông V, bà B không biết. Chỉ biết sau khi thấy hợp đồng trên bàn thì hỏi ông T, ông T giải thích nhưng bà không nắm rõ nội dung. Sau khi ký kết hợp đồng với ông V, ông T đã T toán số tiền tạm ứng 600.000.000 đồng cho ông V (30.000.000 đồng tiền mặt, 570.000.000 đồng qua Internet Banking vào tài khoản ông V).

Các diễn biến trong quá trình thực hiện hợp đồng bà B thống nhất với phần trình bày của nguyên đơn và đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông T.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Mạnh T trình bày:*

Tháng 11/2020, ông V có nhờ ông T thực hiện các thủ tục hồ sơ xin chủ trương, hồ sơ thiết kế phòng cháy, chữa cháy, hồ sơ bảo vệ môi trường, hồ sơ xin phép xây dựng nhà xưởng trên phần đất thuộc thửa đất số 2753, tờ bản đồ số 32, thuộc khu phố B, phường C, thị xã B, tỉnh Bình Dương cho Công ty P. Ông T và ông V chưa thống nhất tổng chi phí thực hiện mà ông V chỉ tạm ứng cho ông số tiền 200.000.000 đồng để thực hiện các công việc trên. Ông và ông V đã thực hiện xong công việc sau:

+ Lập hồ sơ và nộp hồ sơ xin chủ trương tại Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương;

+ Khảo sát hiện trạng khu đất, lập hồ sơ trình duyệt thẩm định phòng cháy, chữa cháy;

+ Thiết kế hồ sơ xin phép xây dựng;

+ Hồ sơ kế hoạch bảo vệ môi trường.

Trong quá trình làm ông T luôn cập nhật tiến độ công việc cho ông V. Đến tháng 8/2021 thì ông T mới liên hệ với ông T để trao đổi công việc. Đến tháng

10/2021 ông V thông báo cho ông T biết là ông T có yêu cầu chấm dứt hợp đồng và yêu cầu ông V hoàn trả cho ông T số tiền tạm ứng đã nhận nên ông V thông báo cho ông T để tạm dừng công việc đến khi có thông báo của ông V.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 53/2022/DS-ST ngày 30/6/2022, Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Quang T về việc buộc bị đơn ông Ngô Văn V bồi thường số tiền 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng.

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Quang T về việc tranh chấp hợp đồng dịch vụ với ông Ngô Văn V.

2.1. Hủy bỏ Hợp đồng giao khoán công việc (về việc thực hiện thủ tục xin cấp giấy phép xây dựng) ký ngày 01/10/2020 và phần bổ sung kèm theo hợp đồng giữa ông Nguyễn Quang T và ông Ngô Văn V.

2.2. Buộc ông Ngô Văn V trả lại cho ông Nguyễn Quang T số tiền đã nhận là 600.000.000 (sáu trăm triệu) đồng.

Ngoài ra bản án còn quyết định về nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 08 tháng 7 năm 2022 bị đơn kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên khởi kiện; bị đơn giữ nguyên kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Theo nội dung hợp đồng giao khoán công việc ký giữa ông T và ông V ngày 01/10/2020 thì công việc ông V thực hiện là 06 tháng kể từ ngày ông V nộp hồ sơ xin chủ trương đầu tư cho ông T (sau đổi lại cho Công ty). Tại Văn bản số 3143 ngày 18/12/2020 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương xác định ngày 10/12/2020 Công ty TNHH MTV xây dựng thương mại P nộp hồ sơ. Đối với việc ông V xin chủ trương dự án cho nhà máy gia công gỗ là một công việc khác, không liên quan đến thỏa thuận ban đầu. Việc ông V nhận thực hiện công việc nhưng giao cho ông T, ông T hoàn toàn không biết, nên giao dịch giữa ông T với ông V sẽ được giải quyết vụ việc khác nêu các bên có yêu cầu. Việc ông V trình bày ông T đồng ý hỗ trợ cho ông T số tiền 200.000.000 đồng đại diện của nguyên đơn và người bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn hoàn toàn không biết. Với những tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, đề nghị cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Quang T về việc tranh chấp hợp đồng dịch vụ với ông Ngô Văn V là có căn cứ. Bị đơn ông V kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ

mới làm thay đổi nội dung vụ án. Do đó, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông V, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn và của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty P và ông Nguyễn Mạnh T có yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

Nguyên đơn ông Nguyễn Quang T, bị đơn ông Ngô Văn V thừa nhận ngày 01/10/2020, giữa ông T và ông V ký kết hợp đồng giao khoán công việc. Ông V đã nhận số tiền tạm ứng 600.000.000 đồng trong tổng số tiền 1.300.000.000 đồng. Do quá thời hạn 06 tháng giao khoán nhưng ông V không hoàn thành công việc nên ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy hợp đồng giao khoán công việc và buộc ông V trả lại ông T số tiền tạm ứng đã nhận là 600.000.000 đồng. Bị đơn ông V không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn ông T và yêu cầu nguyên đơn T toán hết số tiền còn lại theo hợp đồng là 700.000.000 đồng *(bị đơn không có yêu cầu phản tố).*

Nhận thấy, tại hợp đồng giao khoán ngày 01/10/2020, nguyên đơn T và bị đơn ông V thỏa thuận về công việc ông V thực hiện như sau: lập hồ sơ, xin giấy phép xây dựng kho bãi cho thuê, xin công nhận sở hữu công trình trên đất đối với thửa đất số 2753, tờ bản đồ số 32, diện tích 10.047,7m^2 trong đó có 5.000m^2 đất cơ sở sản xuất kinh doanh, 5.047,7m^2 đất cây lâu năm; thời gian thực hiện hợp đồng là 06 tháng kể từ ngày nộp hồ sơ xin chủ trương.

Ngoài ra, ông V còn thực hiện công việc cho ông T gồm: thiết kế kho nhà xưởng trên diện tích 5.000m^2 đất cơ sở sản xuất kinh doanh, lập hồ sơ xin chủ trương đầu tư kho, xin phép xây dựng, hồ sơ xin công nhận quyền sở hữu công trình trên đất; các hồ sơ đất đai chuyển đổi từ cá nhân sang công ty.

Hợp đồng còn thỏa thuận về thù lao, phương thức trả thù lao và thỏa thuận bổ sung thêm nội dung, bên B phải thông báo tiến độ cho bên A mỗi tháng một lần và hết thời gian của hợp đồng nếu không thực hiện được công việc bên A đã giao khoán thì bên B phải hoàn trả lại toàn bộ số tiền đã nhận của bên A.

Khi lập hợp đồng các bên thỏa thuận công việc được tiến hành cho cá nhân ông Nguyễn Quang T nhưng sau đó hai bên thỏa thuận miệng ông V thực hiện thủ tục xin chủ trương đầu tư cho Công ty P (*công ty này do vợ của ông T là bà Phạm Thị B làm Chủ doanh nghiệp*), các bên vẫn sử dụng hợp đồng ký kết ngày 01/10/2020 để tiếp tục công việc chứ không sửa lại nội dung hợp đồng về việc thực hiện công việc cho Công ty P. Xét, đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự trong việc giao kết hợp đồng, hợp đồng không vi phạm các điều cấm và

không vi phạm pháp luật nên phát sinh hiệu lực, buộc các bên thực hiện theo quy định của pháp luật.

Sau khi ký hợp đồng giao khoán công việc, nguyên đơn ông T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà B (vợ ông T) đã tạm ứng cho ông V số tiền 600.000.000 đồng. Ông V đã thực hiện các công việc như sau:

Ngày 10/12/2020 ông V đã nộp hồ sơ đến Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương đề nghị thực hiện dự án đầu tư của Công ty P tại phường C, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

Ngày 18/12/2020, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương ban hành Văn bản số 3143 về việc trả lại hồ sơ cho Công ty TNHH Xây dựng Thương mại P, công văn yêu cầu bổ sung hoàn thiện hồ sơ mới nộp lại.

Tài liệu, chứng cứ tại bút lục 162 đến 183 thể hiện ông V đã thực hiện các công việc: Lập văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư của Công ty TNHH Xây dựng Thương mại P; văn bản đề xuất dự án đầu tư Công ty TNHH Xây dựng Thương mại P; xác nhận số dư tài khoản Công ty TNHH Xây dựng Thương mại P. Tuy nhiên hồ sơ không có tài liệu, chứng cứ chứng minh ông V đã hoàn thiện hồ sơ và nộp lại cho Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương sau khi bị trả lại.

Ngày 10/3/2021, ông Nguyễn Quang T, bà Phạm Thị B ký hợp đồng cho Công ty P thuê thửa đất số 2753, tờ bản đồ số 32, diện tích 10.047,7m^2 đã được Văn phòng Công chứng Dĩ An chứng thực.

Ngày 15/4/2021, ông V nộp hồ sơ cho Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương xin chủ trương đầu tư dự án nhà máy gia công đồ gỗ của Công ty P. Ngày 10/5/2021, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương có Văn bản số 1119 hoàn trả lại hồ sơ, vì Công ty P không thuộc trường hợp phải xin phép.

Đến ngày 25/5/2021, ông V đã thực hiện xong hồ sơ thiết kế kỹ thuật nhà xưởng, Công ty P đã ký tên, đóng dấu (bút lục 28-54).

Tháng 6/2021, ông V đã thực hiện xong bản vẽ thẩm duyệt hệ thống phòng cháy, chữa cháy, Công ty P đã ký tên, đóng dấu doanh nghiệp (bút lục 55-64), nhưng ông V không nộp cho cơ quan có thẩm quyền xem xét nên chưa được cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt.

Tháng 10/2021, ông V lập hồ sơ về kế hoạch bảo vệ môi trường dự án nhà xưởng của Công ty P nhưng chưa được Công ty P ký tên, chưa nộp tại cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt (bút lục 108 đến 138).

Ngày 28/10/2021, ông T nộp đơn khởi kiện ông V chấm dứt hợp đồng giao khoán công việc, do hết thời gian thỏa thuận công việc.

Quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm, ông V thừa nhận sau khi ký hợp đồng ngày 01/10/2020, đến ngày 10/12/2020 ông V thực hiện công việc nộp hồ sơ đến Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương xin chủ trương đầu tư dự án cho Công ty P. Tại phiên tòa phúc thẩm ban đầu ông V cũng thừa nhận ngày 10/12/2020, ông V thực hiện công việc nộp hồ sơ đến Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương

xin chủ trương đầu tư dự án cho Công ty P là ngày bắt đầu thực hiện hợp đồng 06 tháng, nhưng sau đó ông V cho rằng ngày nộp hồ sơ xin chủ trương là ngày 12/4/2021, còn ngày 10/12/2020 là ngày nộp hồ sơ xin chấp thuận địa điểm đầu tư. Do có mâu thuẫn trong lời trình bày của ông V, Tòa án cấp phúc thẩm đã tạm ngừng phiên tòa để xác minh tại Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương về quy trình xin chủ trương thực hiện dự án của Công ty P do ông V thực hiện.

Tại Văn bản số 3679/SKHĐT-KTĐN ngày 23/12/2022 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương đã cung cấp thông tin cho Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương có nội dung: *"Về hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương dự án đầu tư của Công ty TNHH Xây dựng Thương mại P: Ngày 11/12/2020 Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương tiếp nhận hồ sơ đề nghị thực hiện dự án đầu tư của Công ty TNHH Xây dựng Thương mại P tại phường C, thị xã B, tỉnh Bình Dương. Ngày 18/12/2020 Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương có Công văn số 3143/SKHĐT-KTĐN về việc hoàn trả hồ sơ của Công ty TNHH Xây dựng Thương mại P do hồ sơ chưa hợp lệ. Ngày 12/4/2021 Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương tiếp nhận hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án nhà máy gia công đồ gỗ của Công ty TNHH Xây dựng Thương mại P tại phường C, thị xã B, tỉnh Bình Dương"* Ngoài ra, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cho biết Luật Đầu tư năm 2014 và Luật Đầu tư năm 2020 không có quy định thủ tục chấp thuận địa điểm đầu tư.

Với tài liệu, chứng cứ thu thập tại cấp sơ thẩm và phúc thẩm, có cơ sơ xác định hợp đồng giao khoán công việc ký giữa ông T và ông V vào ngày 01/10/2020, thời hạn thực hiện công việc là 06 tháng, kể từ ngày 11/12/2020 là ngày ông V đã nộp hồ sơ đến Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương (Công văn số 3679/SKHĐT-KTĐN ngày 23/12/2022 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương xác định) đề nghị thực hiện dự án đầu tư của Công ty P và kết thúc thời hạn 06 tháng là ngày 10/6/2021.

Ông V cho rằng, trong thời gian ông V thực hiện công việc có thời gian là dịch bệnh Covid-19 xảy ra nghiêm trọng, cả nước phải thực hiện nghiêm Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 31/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phòng chống dịch bệnh, trong đó có tỉnh Bình Dương nên thực hiện không hết các công việc được giao khoán.

Tuy nhiên, tại Văn bản số 07/CT-UBND ngày 04/7/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố D thì từ ngày 05/7/2021 tại thành phố D thực hiện việc giãn cách xã hội do dịch bệnh Covid-19. Đến ngày 19/7/2021, tỉnh Bình Dương thực hiện giãn cách xã hội trên phạm vi toàn tỉnh, kể từ 00 giờ ngày 19/7/2021 theo Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 31/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ. Đến ngày 05/9/2021, Ủy ban nhân dân thành phố D mới nới lỏng việc đi lại của người dân (Văn bản số 2075/UBND-VX ngày 05/9/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố D).

Như nhận định trên thì thời gian ông V có nghĩa vụ phải thực hiện xong hợp đồng giao khoán là 06 tháng tính từ ngày 11/12/2020 đến ngày 10/6/2021 là ngày kết thúc. Thời gian này không nằm trong thời điểm phải thực hiện chống dịch theo

yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ, và của địa phương nên không được xem là thời gian bất khả kháng.

Tuy nhiên, đến ngày 28/10/2021, ông V thực hiện các công việc tại hợp đồng giao khoán chưa hoàn thành *(trễ hạn hơn 03 tháng)*. Do đó, ông T nộp đơn khởi kiện ông V yêu cầu chấm dứt hợp đồng giao khoán là phù hợp thỏa thuận giữa các bên, phù hợp pháp luật.

Từ những phân tích trên, tại cấp phúc thẩm người kháng cáo không có tài liệu, chứng cứ mới làm thay đổi nội dung vụ án. Do đó, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông Ngô Văn V.

[3] Ý kiến của người bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn là có căn cứ;

[4] Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương là phù hợp.

[5] Án phí phúc thẩm: Kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 48, khoản 1 Điều 308, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Ngô Văn V.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 53/2022/DS-ST ngày 30-6-2022 của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương.

2. Án phí phúc thẩm: Người kháng cáo ông Ngô Văn V phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng,) được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm tại Biên lai thu tiền số 0004067 ngày 08/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thành phố D;
- TAND thành phố D;
- Các đương sự;
- Tổ Hành chínhTư pháp;
- Lưu: HS, Tòa Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Tài